

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn  
vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Lạng Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; số 236/QĐ-TTg ngày 21/02/2022 về việc giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 2); số 1012/QĐ-TTg ngày 29/8/2022 về việc bổ sung, điều chỉnh, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 3);*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Lạng Sơn; số 20/NQ-HĐND ngày 27/9/2022 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Lạng Sơn; số 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Lạng Sơn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ Trình số 70/TTr-SKHĐT ngày 27/7/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Điều chỉnh vốn ngân sách địa phương

## a) Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí

- Giảm 323,184 tỷ đồng của 03 dự án, 02 nội dung hỗ trợ các chương trình, dự án khác và dự phòng, gồm:

+ 02 dự án chuyển tiếp: 26,838 tỷ đồng.

+ 01 dự án khởi công mới: 0,249 tỷ đồng.

+ 02 nội dung hỗ trợ các chương trình, dự án khác: 274,818 tỷ đồng.

+ Dự phòng: 21,279 tỷ đồng.

- Bổ sung 323,184 tỷ đồng cho 16 dự án, gồm:

+ 247,584 tỷ đồng cho 12 dự án, gồm: 04 dự án hoàn thành: 9,985 tỷ đồng; 03 dự án chuyển tiếp: 15,224 tỷ đồng (trong đó: 02 dự án đối ứng dự án ODA 3,024 tỷ đồng; 01 dự án chuyển từ vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất sang 12,2 tỷ đồng); 05 dự án khởi công mới 222,375 tỷ đồng (trong đó: 02 dự án tăng tổng mức đầu tư 7,375 tỷ đồng; 03 dự án khởi công mới chuyển từ vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất sang là 215 tỷ đồng).

+ Bổ sung danh mục 04 dự án khởi công mới: 75,6 tỷ đồng (trong đó: phân bổ 01 dự án: 2 tỷ đồng; dự kiến phân bổ 03 dự án: 73,6 tỷ đồng).

## b) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

- Giảm: 373,419 tỷ đồng của 06 dự án, cụ thể:

+ 02 dự án chuyển tiếp: 13,489 tỷ đồng, gồm: 01 dự án giảm sau quyết toán 1,289 tỷ đồng; 01 dự án chuyển sang vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí 12,2 tỷ đồng.

+ 04 dự án khởi công mới: 340 tỷ đồng, gồm: 01 dự án giảm quy mô (phân kỳ đầu tư) 125 tỷ đồng; 03 dự án chuyển sang vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí 215 tỷ đồng.

+ Dự phòng: 19,93 tỷ đồng.

- Bổ sung 373,419 tỷ đồng cho 06 dự án, 01 nội dung hỗ trợ chương trình, dự án khác, cụ thể:

+ 11,419 tỷ đồng cho 02 dự án hoàn thành.

+ 200 tỷ đồng cho 01 nội dung Hỗ trợ chương trình, dự án khác.

+ Bổ sung danh mục 04 dự án dự kiến khởi công mới là 162 tỷ đồng.

## c) Vốn đầu tư từ thu xổ số kiến thiết

- Giảm 2,35 tỷ đồng của 01 dự án chuyển tiếp.

- Bổ sung 2,35 tỷ đồng cho 01 dự án chuyển tiếp.

2. Bổ sung vốn ngân sách địa phương (vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất): 408,8 tỷ đồng cho cấp huyện.

3. Phân bổ chi tiết: 1.522,275 tỷ đồng cho 04 dự án khởi công mới và nội dung hỗ trợ Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT.

4. Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh là 16.957,216 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách địa phương: 8.254,2 tỷ đồng, gồm: vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 3.910,4 tỷ đồng; đầu tư từ thu xổ số kiến thiết: 55 tỷ đồng; đầu tư từ thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu: 150 tỷ đồng; đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 4.138,8 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách trung ương: 8.703,016 tỷ đồng, gồm: vốn trong nước: 6.856,02 tỷ đồng; vốn nước ngoài: 1.846,996 tỷ đồng.

5. Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 2410/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Lạng Sơn; số 1572/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Lạng Sơn.

*(Chi tiết tại các biểu kèm theo Quyết định này).*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Đối với các dự án chưa phê duyệt chủ trương đầu tư: các cơ quan được giao lập đề xuất dự án khẩn trương lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan, làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền giao chi tiết kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục phối hợp với Sở Tài chính và các chủ đầu tư rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thủ tục điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế-Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(VAT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hồ Tiến Thiệu**

**BIỂU 1:**

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**

(Kèm theo Quyết định số: 1204/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ giao tại các Quyết định: số 1535/QĐ-TTg; số 1012/QĐ-TTg	KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1572/QĐ-UBND)				Điều chỉnh tăng, giảm số lượng (danh mục) dự án		Điều chỉnh kế hoạch vốn			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú
			Số lượng dự án	Tổng số	Trong đó:		Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Bổ sung	Số lượng dự án sau điều chỉnh	Tổng số	Trong đó:		
					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG</b>	<b>14,865,026</b>	<b>231</b>	<b>16,548,416</b>	<b>209,978</b>	<b>876,510</b>		<b>8</b>	<b>698,953</b>	<b>698,953</b>	<b>408,800</b>	<b>239</b>	<b>16,957,216</b>	<b>209,978</b>	<b>876,510</b>	
<b>A</b>	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>	<b>6,659,700</b>	<b>188</b>	<b>7,845,400</b>	<b>175,158</b>	<b>876,510</b>		<b>8</b>	<b>698,953</b>	<b>698,953</b>	<b>408,800</b>	<b>196</b>	<b>8,254,200</b>	<b>175,158</b>	<b>876,510</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí</b>	<b>3,874,700</b>	<b>115</b>	<b>3,910,400</b>	<b>46,549</b>	<b>473,837</b>		<b>4</b>	<b>323,184</b>	<b>323,184</b>	<b>-</b>	<b>119</b>	<b>3,910,400</b>	<b>46,549</b>	<b>473,837</b>	
	Trong đó:															
a	Phân bổ cho các dự án	-	115	1,725,844	-	384,337		4	27,087	323,184		119	2,021,941	-	384,337	Chi tiết tại biểu 2
	- Dự án hoàn thành đến 31/12/2020		70	405,292	-	297,874				9,985		70	415,277	-	297,874	
	- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025		23	644,490	-	86,463			26,838	3,024		23	620,676	-	86,463	
	Trong đó: Dự án Quy hoạch		1	37,072	-	-						1	37,072	-	-	
	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		22	665,061	-	-		4	249	310,175		26	974,987	-	-	
	- Chuẩn bị đầu tư		58	11,000	-	-				-		58	11,000	-	-	
b	Hỗ trợ các Chương trình, dự án khác			1,415,700	46,549	89,500			274,818	-			1,140,882	46,549	89,500	
	Trong đó: Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG			120,000						-			120,000	-	-	
c	Bộ chỉ ngân sách địa phương/Bộ thu ngân sách địa phương	24,100		59,800	-	-							59,800	-	-	
d	Trả nợ gốc, lãi vay			80,612	-	-							80,612	-	-	
đ	Phân cấp cho cấp huyện			571,000	-	-							571,000	-	-	
e	Dự phòng			57,444	-	-			21,279	-			36,165	-	-	
<b>2</b>	<b>Đầu tư từ thu xổ số kiến thiết</b>	<b>55,000</b>	<b>4</b>	<b>55,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			<b>2,350</b>	<b>2,350</b>	<b>-</b>	<b>4</b>	<b>55,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ giao tại các Quyết định: số 1535/QĐ-TTg; số 1012/QĐ-TTg	KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1572/QĐ-UBND)				Điều chỉnh tăng, giảm số lượng (danh mục) dự án		Điều chỉnh kế hoạch vốn			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú
			Số lượng dự án	Tổng số	Trong đó:		Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Bổ sung	Số lượng dự án sau điều chỉnh	Tổng số	Trong đó:		
					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<i>Phân cấp cho cấp huyện (năm 2021)</i>			11,000	-	-							11,000	-	-	
	<i>Phân bổ cho các dự án khởi công mới</i>		4	44,000	-	-			2,350	2,350		4	44,000	-	-	<i>Chi tiết tại biểu 2</i>
<b>3</b>	<b>Đầu tư từ thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu (thu phí bến bãi các phương tiện vận tải)</b>	-	<b>10</b>	<b>150,000</b>	12,004	138,956			-	-	-	<b>10</b>	<b>150,000</b>	12,004	138,956	
a	Phân bổ cho các dự án		10	125,000	12,004	138,956						10	125,000	12,004	138,956	
	<i>- Dự án hoàn thành đến 31/12/2020</i>		6	81,500	12,004	100,956						6	81,500	12,004	100,956	
	<i>- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</i>		2	38,000	-	38,000						2	38,000	-	38,000	
	<i>- Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>		2	5,500	-	-						2	5,500	-	-	
b	Hỗ trợ các Chương trình, dự án khác			25,000	-	-							25,000	-	-	
<b>4</b>	<b>Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>2,730,000</b>	<b>59</b>	<b>3,730,000</b>	116,605	263,716	-	<b>4</b>	<b>373,419</b>	<b>373,419</b>	<b>408,800</b>	<b>63</b>	<b>4,138,800</b>	116,605	263,716	
a	Phân bổ cho các dự án		59	1,745,046	79,823	218,216		4	353,489	173,419	-	63	1,564,976	79,823	218,216	<i>Chi tiết tại biểu 2</i>
	<i>- Dự án hoàn thành đến 31/12/2020</i>		16	202,510	2,500	165,070				11,419		16	213,929	2,500	165,070	
	<i>- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</i>		12	342,153	77,323	53,146			1,289			12	340,864	77,323	53,146	
	<i>- Đối ứng dự án NSTW chuyển tiếp sang 2021-2025</i>		13	216,309	-	-			12,200			13	204,109	-	-	
	<i>- Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>		18	984,074	-	-		4	340,000	162,000	-	22	806,074	-	-	
b	Phân cấp cho cấp huyện			600,000	-	-					408,800		1,008,800	-	-	
c	Quỹ phát triển đất			269,142	-	-					-		269,142	-	-	
d	Hỗ trợ các Chương trình, dự án khác			1,085,812	36,782	45,500				200,000	-		1,285,812	36,782	45,500	
	Trong đó: Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG			153,000	-	-							153,000	-	-	
d	Dự phòng			30,000	-	-			19,930	-			10,070	-	-	
<b>B</b>	<b>Vốn ngân sách Trung ương</b>	<b>8,205,326</b>	<b>43</b>	<b>8,703,016</b>	34,820	-	-	-	-	-	-	<b>43</b>	<b>8,703,016</b>	34,820	-	

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ giao tại các Quyết định: số 1535/QĐ-TTg; số 1012/QĐ-TTg	KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1572/QĐ-UBND)				Điều chỉnh tăng, giảm số lượng (danh mục) dự án		Điều chỉnh kế hoạch vốn			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú
			Số lượng dự án	Tổng số	Trong đó:		Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Bổ sung	Số lượng dự án sau điều chỉnh	Tổng số	Trong đó:		
					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
<b>I</b>	<b>Vốn trong nước</b>	<b>6,856,020</b>	<b>35</b>	<b>6,856,020</b>	34,820	-	-	-				<b>35</b>	6,856,020	34,820	-	
<b>2</b>	<b>Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình mục tiêu</b>	<b>6,856,020</b>	<b>35</b>	<b>6,856,020</b>	34,820	-						35	6,856,020	34,820	-	
	Trong đó:			-	-	-							-	-	-	
1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình mục tiêu	4,356,020	34	4,356,020	34,820	-						34	4,356,020	34,820	-	
	- Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021		14	382,420	34,820	-						14	382,420	34,820	-	
	<i>Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước</i>		1	34,820	34,820	-						1	34,820	34,820	-	
	- Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021		5	1,591,366	-	-						5	1,591,366	-	-	
	<i>Trong đó: Đối ứng ODA</i>		1	65,385	-	-						1	65,385	-	-	
	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		14	2,382,234	-	-						14	2,382,234	-	-	
2	Dự án có tính chất lan tỏa (Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững): 01 dự án	2,500,000	1	2,500,000	-	-						1	2,500,000	-	-	
<b>II</b>	<b>Vốn nước ngoài (ODA)</b>	<b>1,349,306</b>	<b>8</b>	<b>1,846,996</b>	-	-		<b>0</b>	<b>0</b>	-	-	<b>8</b>	<b>1,846,996</b>	-	-	
1	Dự án chuyển tiếp	1,349,306	7	1,286,188	-	-						7	1,286,188	-	-	
2	Dự án khởi công mới (1 dự án)		1	560,808	-	-				-		1	560,808	-	-	



TT	Dan mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020			KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1572/QĐ-UBND)			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025			KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/ DK Chủ đầu tư			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: Ứng trước KH vốn	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB		Giảm	Tăng			Bổ sung	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
1	Trường PTĐTNT THPT tỉnh	TPLS	3 tầng, diện tích sàn 1.166m2	2022-2024	1180/QĐ-UBND ngày 15/6/2021; 959/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	36,267	36,267				36,267	36,267	-	-		6,251			44,868	42,518			Đã điều chỉnh chủ trương đầu tư: 44,868 tỷ đồng (tăng 8,601 tỷ đồng), chuyển một phần sang nguồn xổ số	Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất CĐTĐ; Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD tỉnh
II	Khoa học và công nghệ		1			8,624	8,624	-	-	-	7,500	7,500	-	-	-	1,124			8,624	8,624	-	-		
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		1			8,624	8,624	-	-	-	7,500	7,500	-	-	-	1,124			8,624	8,624	-	-		
	Khởi công mới 2022		1								-	-	-	-					-	-	-	-		
1	Cải tạo, nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	TPLS		2021-2023	2224/QĐ-UBND ngày 14/11/2021; 743/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	8,624	8,624				7,500	7,500	-	-		1,124			8,624	8,624				Sở Thông tin và Truyền thông
III	Y tế		1			24,598	24,598	19,594	19,595	-	3,910	3,910	-	-	-	1,093			5,003	5,003	-	-		
(1)	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020		1			24,598	24,598	19,594	19,595	-	3,910	3,910	-	-	-	1,093			5,003	5,003	-	-		
1	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh (Hang mục xây dựng BV GDII).	Thành phố	100 giường	2010-2020	1503/QĐ-UBND ngày 30/9/2010; 1453 ngày 17/8/2016; 1780 ngày 17/9/2018; 1730/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	24,598	24,598	19,594	19,595		3,910	3,910	-	-		1,093			5,003	5,003				Sở Y tế
IV	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		1			54,797	7,254	28,358	-	-	2,800	2,800	-	-	-	4,103			26,439	6,903	-	-		
(1)	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020		1			54,797	7,254	28,358	-	-	2,800	2,800	-	-	-	4,103			26,439	6,903	-	-		
1	Dự án ĐTXD công trình di dân, thành lập bản mới Nà Ngò, xã Tân Thanh	Văn Lãng	25 hộ	2014-2016	1642/QĐ-UBND ngày 17/10/2011; 1756/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	54,797	7,254	28,358	-		2,800	2,800	-	-		4,103			26,439	6,903				Chi cục Phát triển nông thôn
V	Giao thông		1			200,130	121,130	108,915	52,775	-	8,387	8,387	-	8,387	-	3,613			12,000	12,000	-	8,387		
(1)	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020		1			200,130	121,130	108,915	52,775	-	8,387	8,387	-	8,387	-	3,613			12,000	12,000	-	8,387		
1	Hệ thống đường giao thông nội bộ khu vực cửa khẩu Hữu Nghị	Cao Lộc	2,5km	2011-2015	1270/QĐ-UBND, ngày 19/8/2010	200,130	121,130	108,915	52,775		8,387	8,387	-	8,387		3,613			12,000	12,000		8,387	Đã quyết toán tại Quyết định số 2028/QĐ-UBND	Ban QL KKTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn
VI	Cấp thoát nước		1			22,992	22,992	17,100	17,100	-	4,624	4,624	-	4,624	-	1,176			5,800	5,800	-	4,624		
(1)	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020		1			22,992	22,992	17,100	17,100	-	4,624	4,624	-	4,624	-	1,176			5,800	5,800	-	4,624		
1	CT, MR hệ thống cấp nước thị trấn Văn Quan	Văn Quan	từ 1.000 lên 2.000 m3/ng.đ	2015-2018	1229/QĐ-UBND ngày 22/7/2015; 2138 ngày 15/11/2017; 880/QĐ-UBND ngày 23/05/2022	22,992	22,992	17,100	17,100		4,624	4,624	-	4,624		1,176			5,800	5,800		4,624		Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn
VII	Đổi ứng dự án ODA		2			206,678	25,848	18,722	12,301	-	10,053	10,053	-	-	-	3,024			13,077	13,077	-	-		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020			KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1572/QĐ-UBND)			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025			KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Ghi chú	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/ DK Chủ đầu tư			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: Ứng trước KH vốn	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: Ứng trước KH vốn	Trong đó: NSDP			Giảm	Tăng	Bổ sung	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSDP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB							Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24		
(2)	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</b>		2			206,678	25,848	18,722	12,301	-	10,053	10,053	-	-	-	3,024		13,077	13,077	-	-				
1	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2	tỉnh Lạng Sơn		2016-2021	1767/QĐ-BGDĐT ngày 27/5/2015	9,848	9,848	6,048	6,048		3,800	3,800	-	-		1,530		5,330	5,330			Đã quyết toán	Sở Giáo dục và Đào tạo		
2	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	tỉnh LS		2016-2023	476/QĐ-UBND ngày 13/3/2019; 5001/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/12/2022	196,830	16,000	12,674	6,253		6,253	6,253	-	-		1,494		7,747	7,747			Dự án đã hoàn thành, kết thúc Hiệp định tháng 6/2023	Sở Nông nghiệp&PTNT		
VIII	<b>Bổ sung khởi công mới giai đoạn 2021-2025</b>		4			118,500	103,500	-	-	-	-	-	-	-	-	75,600	-	88,800	75,600	-	-				
VIII.1	<b>Phân bổ chi tiết</b>		1			44,900	29,900	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	-	15,200	2,000	-	-				
a	<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước</b>		1			44,900	29,900	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	-	15,200	2,000	-	-				
1	Nhà hành chính Trụ sở HĐND và UBND huyện Bình Gia	Bình Gia	05 tầng + 01 tầng bán hầm	2024-2026	968/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	44,900	29,900									2,000		15,200	2,000			Ngân sách huyện thực hiện giai đoạn 2021-2025; 13 tỷ đồng	UBND huyện Bình Gia		
VIII.2	<b>Dự kiến phân bổ</b>		3			73,600	73,600	-	-	-	-	-	-	-	-	73,600	-	73,600	73,600	-	-				
a	<b>Giao thông</b>		1			5,800	5,800	-	-	-	-	-	-	-	-	5,800	-	5,800	5,800	-	-				
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.26 và hệ thống thoát nước	Cao Lộc		2024-2025	131/TB-UBND ngày 31/3/2023	5,800	5,800									5,800		5,800	5,800			Đường dẫn vào khu di tích đình Háng Pài	UBND huyện Cao Lộc		
b	<b>Khu công nghiệp và Khu kinh tế</b>		1			45,000	45,000	-	-	-	-	-	-	-	-	45,000	-	45,000	45,000	-	-				
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH 96 đoạn từ ngã 3 xã Hồ Sơn đến hết cụm công nghiệp Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng	Hữu Lũng	6,2km	2024-2025	257/TB-UBND ngày 05/6/2023	45,000	45,000									45,000		45,000	45,000			Phục vụ hạ tầng khu công nghiệp	UBND huyện Hữu Lũng		
c	<b>Quy hoạch</b>		1			22,800	22,800	-	-	-	-	-	-	-	-	22,800	-	22,800	22,800	-	-				
1	Điều chỉnh Quy hoạch thành phố Lạng Sơn đến năm 2045 tỷ lệ 1/10.000 (bao gồm thành phố Lạng Sơn và huyện Cao Lộc)	thành phố Lạng Sơn		2024-2025		22,800	22,800									22,800		22,800	22,800				UBND thành phố Lạng Sơn		
IX	<b>Dự án sử dụng nguồn thu sử dụng đất bổ sung danh mục sử dụng cả nguồn cân đối</b>		4			1,222,627	810,266	182,117	-	-	331,207	-	-	-	-	227,200	-	783,457	227,200	-	-				
1	Đường Lý Thái Tô kéo dài và khu dân cư, tái định cư TPLS	TPLS	1,13km đường; 26,3ha hạ tầng khu dân cư	2023-2026	40/NQ-HĐND ngày 25/11/2021	690,313	440,063									100,000		452,250	100,000				UBND thành phố Lạng Sơn		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020			KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1572/QĐ-UBND)			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025			KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Ghi chú	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/ DK Chủ đầu tư		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: Ưng trước KH vốn	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: Ưng trước KH vốn	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB		Giảm	Tăng	Bổ sung			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
2	Khu tái định cư, dân cư xã Hồ Sơn và xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng	Hữu Lũng	22,24ha	2022-2025	35/NQ-HĐND ngày 28/9/2021; 781/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	213,430	213,430				213,430					90,000		213,430	90,000					UBND huyện Hữu Lũng
3	Cải tạo sửa chữa đường Khuổi Khin - Bàn Chắt (ĐT237), đoạn từ K14+320 đến Km32	Đình Lập	17,366km	2022-2024	2199/QĐ-UBND ngày 10/11/2021; 1681/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	30,356	30,356				45,356					25,000		45,356	25,000					Sở GTVT đề xuất CTĐT; Chủ đầu tư: Ban Quản lý xây dựng và bảo trì HTGT
4	Kê bảo vệ bờ sông Kỳ Cùng (giai đoạn III)	TPLS	4km	2012-2023	660/QĐ-UBND, 10/5/2010; 812/QĐ-UBND, 25/5/2011; 2433/QĐ-UBND, 29/11/2018 2789/QĐ-UBND, 28/12/2018; 1845/QĐ-UBND ngày 19/9/2020	288,528	126,417	182,117			72,421	-	-			12,200		72,421	12,200					Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<b>B</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>		<b>12</b>			<b>7,703,104</b>	<b>2,931,098</b>	<b>249,998</b>	<b>27,955</b>	<b>-</b>	<b>2,530,867</b>	<b>2,251,406</b>	<b>-</b>	<b>17,288</b>	<b>373,419</b>	<b>373,419</b>	<b>408,800</b>	<b>3,167,167</b>	<b>2,660,206</b>	<b>-</b>	<b>17,288</b>			
<b>B.1</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH GIẢM</b>		<b>6</b>			<b>1,427,390</b>	<b>1,015,029</b>	<b>183,617</b>	<b>1,500</b>	<b>-</b>	<b>1,105,579</b>	<b>836,118</b>	<b>-</b>	<b>2,000</b>	<b>373,419</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>959,360</b>	<b>462,699</b>	<b>-</b>	<b>2,000</b>			
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>		<b>2</b>			<b>720,669</b>	<b>470,419</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>497,606</b>	<b>247,356</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>125,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>497,606</b>	<b>122,356</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025	-	2			720,669	470,419	-	-	-	497,606	247,356	-	-	125,000	-	-	497,606	122,356	-	-			
1	CTSC đường Khuổi Khin - Bàn Chắt (ĐT237), đoạn từ K14+320 đến Km32	Đình Lập	17,366km	2022-2024	2199/QĐ-UBND ngày 10/11/2021; 1681/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	30,356	30,356				45,356	45,356			25,000			45,356	20,356					Chuyển một phần sang vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí để điều hành thanh toán Sở GTVT đề xuất CTĐT; Chủ đầu tư: Ban Quản lý xây dựng và bảo trì HTGT
2	Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư TPLS	TPLS	1,13km đường; 26,3ha hạ tầng khu dân cư	2023-2026	40/NQ-HĐND ngày 25/11/2021	690,313	440,063				452,250	202,000		-	100,000			452,250	102,000					Chuyển một phần sang vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí để điều hành thanh toán UBND thành phố
<b>II</b>	<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước</b>		<b>1</b>			<b>14,763</b>	<b>14,763</b>	<b>1,500</b>	<b>1,500</b>	<b>-</b>	<b>13,046</b>	<b>10,046</b>	<b>-</b>	<b>2,000</b>	<b>1,289</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11,757</b>	<b>8,757</b>	<b>-</b>	<b>2,000</b>			
(2)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025		1			14,763	14,763	1,500	1,500	-	13,046	10,046	-	2,000	1,289	-	-	11,757	8,757	-	2,000			
1	Trụ sở tiếp công dân tỉnh	TPLS		2019-2021	256/QĐ-UBND ngày 11/2/2020; 1930/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	14,763	14,763	1,500	1,500		13,046	10,046		2,000	1,289			11,757	8,757		2,000			Đã quyết toán tại Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
<b>III</b>	<b>Khu công nghiệp và Khu kinh tế</b>		<b>1</b>			<b>213,430</b>	<b>213,430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>213,430</b>	<b>213,430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>90,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>213,430</b>	<b>123,430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		1			213,430	213,430	-	-	-	213,430	213,430	-	-	90,000	-	-	213,430	123,430	-	-			
1	Khu tái định cư, dân cư xã Hồ Sơn và xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng	Hữu Lũng	22,24ha	2022-2025	35/NQ-HĐND ngày 28/9/2021	213,430	213,430				213,430	213,430		-	90,000			213,430	123,430					Chuyển một phần sang nguồn cân đối NSDP để điều hành kế hoạch vốn hằng năm UBND huyện Hữu Lũng
<b>IV</b>	<b>Xã hội</b>		<b>1</b>			<b>100,000</b>	<b>100,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>225,000</b>	<b>225,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>125,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>100,000</b>	<b>100,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020			KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1572/QĐ-UBND)			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025			KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/ DK Chủ đầu tư			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: Ứng trước KH vốn	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB		Giảm	Tăng			Bổ sung	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		1			100,000	100,000	-	-	-	225,000	225,000	-	-	125,000	-	-	100,000	100,000	-	-			
1	Dự án khu tái định cư và dân cư Quốc lộ 4B	Cao Lộc, Lộc Bình	264ha hạ tầng khung	2023-2026	3679/VP-KTN ngày 31/8/2021	100,000	100,000				225,000	225,000			125,000			100,000	100,000			Dự án vướng quy hoạch (liền vùng, phân khu...), đề xuất phân kỳ đầu tư	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
V	Đổi ứng dự án NSTW chuyển tiếp sang 2021-2025		1			288,528	126,417	182,117	-	-	72,421	56,210	-	-	12,200	-	-	72,421	44,010	-	-			
V.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		1			288,528	126,417	182,117	-	-	72,421	56,210	-	-	12,200	-	-	72,421	44,010	-	-			
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021		1			288,528	126,417	182,117	-	-	72,421	56,210	-	-	12,200	-	-	72,421	44,010	-	-			
1	Kê bảo vệ bờ sông Kỳ Cùng (giai đoạn III)	TPLS	4km	2012-2023	660/QĐ-UBND, 10/5/2010; 812/QĐ-UBND, 25/5/2011; 2433/QĐ-UBND, 29/11/2018 2789/QĐ-UBND, 28/12/2018	288,528	126,417	182,117			72,421	56,210			12,200			72,421	44,010			Chuyển một phần sang vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí để điều hành thanh toán	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
VI	Dự phòng					90,000	90,000				84,076	84,076			19,930	-		64,146	64,146					
B.2	ĐIỀU CHỈNH TĂNG, BỔ SUNG		6			6,275,714	1,916,069	66,381	26,455	-	1,425,288	1,415,288	-	15,288	-	373,419	408,800	2,207,807	2,197,507	-	15,288			
I	Giao thông		2			292,734	103,089	66,381	26,455	-	25,288	15,288	-	15,288	-	11,419	-	36,707	26,707	-	15,288			
(1)	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020		2			292,734	103,089	66,381	26,455	-	25,288	15,288	-	15,288	-	11,419	-	36,707	26,707	-	15,288			
1	Cải tạo, nâng cấp đường Từ Mịch - Nà Cánh, huyện Lộc Bình		9,8km	2015-2023	1338 ngày 4/8/2015; 841 ngày 8/5/2018; 794/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	72,978	72,978	39,926			22,599	12,599			12,599		10,453	33,052	23,052			12,599	Ban QL KKTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn	
2	Đường Trung Thành - Tân Minh đầu nối đường tuần tra biên giới (thanh toán giá trị quyết toán đến thời điểm dừng: 1816/QĐ-UBND ngày 16/9/2020)	Tràng Định	18km	2016-2020	1900 ngày 18/10/2016; 1816/QĐ-UBND ngày 16/9/2020	219,756	30,111	26,455	26,455		2,689	2,689		2,689			966	3,655	3,655			2,689	Quyết toán bổ sung chi phí GPMB (Quyết định 2679/QĐ-UBND)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
II	Các Chương trình, dự án khác					5,000,000	1,000,000	-	-	-	800,000	800,000	-	-	-	200,000	-	1,000,000	1,000,000	-	-			
1	Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	Chi Lăng, TPLS, Cao Lộc	43km tuyến chính, 17km tuyến nối cửa khẩu	2023-2026	41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022	5,000,000	1,000,000				800,000	800,000				200,000		1,000,000	1,000,000			Tăng từ vốn cân đối trong tiêu chí để điều hành kế hoạch vốn hàng năm		
-	Các hạng mục khác					5,000,000	1,000,000											1,000,000	1,000,000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh là đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
III	Cân đối cho cấp huyện					600,000	600,000				600,000	600,000					408,800	1,008,800	1,008,800				Tăng theo báo cáo khả năng thu của các huyện	Sở Tài chính
IV	Bổ sung khởi công mới giai đoạn 2021-2025 (dự kiến giao)		4			382,980	212,980	-	-	-	-	-	-	-	-	162,000	-	162,300	162,000	-	-			
IV.1	Giao thông		2			150,000	80,000	-	-	-	-	-	-	-	-	62,000	-	62,100	62,000	-	-			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020			KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1572/QĐ-UBND)			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025			KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/ DK Chủ đầu tư		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: Ứng trước KH vốn	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: Ứng trước KH vốn	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP								Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB		Giảm			Tăng	Bổ sung
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
1	Cải tạo, nâng cấp đường Chu Văn An	TPLS	812m	2025-2028	227/TB-UBND ngày 15/5/2023	128,000	58,000									40,000		40,100	40,000			Ngân sách thành phố đối ứng giai đoạn 2026-2030	UBND thành phố Lạng Sơn
2	ĐH.46 Cồn Quan - Pò Khoang xã Đình Lập	Đình Lập	7,5km	2024-2025		22,000	22,000									22,000		22,000	22,000			Công trình xây dựng huyện nông thôn mới	UBND huyện Đình Lập
<b>IV.2</b>	<b>Văn hóa, thể thao, du lịch</b>		<b>1</b>			<b>200,980</b>	<b>100,980</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>75,000</b>	<b>-</b>	<b>75,100</b>	<b>75,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1	Cải tạo chỉnh trang khu di tích, danh thắng Nhi - Tam Thanh, phường Tam Thanh	TPLS		2025-2028	227/TB-UBND ngày 15/5/2023	200,980	100,980									75,000		75,100	75,000			Ngân sách thành phố đối ứng giai đoạn 2026-2030	UBND thành phố Lạng Sơn
<b>IV.3</b>	<b>Giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp</b>		<b>1</b>			<b>32,000</b>	<b>32,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>25,000</b>	<b>-</b>	<b>25,100</b>	<b>25,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Cao Lộc	Cao Lộc		2025-2027		32,000	32,000									25,000		25,100	25,000			Bổ sung hoàn thiện tiêu chí ngành giáo dục về trường THPT chuẩn quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất CTĐT; Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD tỉnh
<b>C</b>	<b>ĐẦU TƯ TƯ THỤ XỐ SÓ KIẾN THIẾT</b>		<b>2</b>			<b>50,317</b>	<b>50,117</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>50,317</b>	<b>13,850</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2,350</b>	<b>2,350</b>	<b>-</b>	<b>58,918</b>	<b>13,850</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>C.1</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH GIẢM</b>		<b>1</b>			<b>14,050</b>	<b>13,850</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14,050</b>	<b>13,850</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2,350</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14,050</b>	<b>11,500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1	Trường mầm non 2 xã Minh Sơn	Hữu Lũng	2 tầng, diện tích sàn 1.219m2	2022-2024	586/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	14,050	13,850				14,050	13,850			2,350			14,050	11,500			Giảm do đã bố trí một phần nguồn vốn khác thanh toán	UBND huyện Hữu Lũng
<b>C.2</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH TĂNG, BỔ SUNG</b>		<b>1</b>			<b>36,267</b>	<b>36,267</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36,267</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2,350</b>	<b>-</b>	<b>44,868</b>	<b>2,350</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>1</b>	<b>Dự án chuyển từ nguồn đầu tư trong cân đối theo chi sang</b>		<b>1</b>			<b>36,267</b>	<b>36,267</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36,267</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2,350</b>	<b>-</b>	<b>44,868</b>	<b>2,350</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1	Trường PTDTNT THPT tỉnh	TPLS	3 tầng, diện tích sàn 1.166m2	2022-2024	1180/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	36,267	36,267				36,267				2,350			44,868	2,350			Chuyển từ vốn đầu tư trong cân đối theo chi sang thanh toán	Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất CTĐT; Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD tỉnh

Ghi chú: Cột thứ tự (TT) được đánh số thứ tự theo quy tắc thông thường, riêng nhóm dự án được quy ước như sau:

(1): Nhóm dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020;

(2): Nhóm dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025;

(3): Nhóm dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025.

**BIỂU 3**

**GIAO CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số: 1204/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>5</b>			<b>10,109,555</b>	<b>3,094,555</b>	<b>1,540,025</b>	<b>1,522,275</b>	-	-		
<b>A</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ</b>		<b>3</b>			<b>5,084,700</b>	<b>1,569,700</b>	<b>520,426</b>	<b>507,226</b>	-	-		
<b>I</b>	<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước</b>		<b>1</b>			<b>39,800</b>	<b>39,800</b>	<b>5,226</b>	<b>5,226</b>	-	-		
	<i>Khởi công mới 2025</i>		<i>1</i>			<i>39,800</i>	<i>39,800</i>	<i>5,226</i>	<i>5,226</i>	-	-		
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Huyện Ủy Bắc Sơn		03 tầng	2024-2026	<b>1675/QĐ-UBND ngày 22/10/2022</b>	39,800	39,800	5,226	5,226	-	-	UBND huyện Bắc Sơn	
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ các Chương trình, dự án khác</b>		<b>1</b>			<b>5,000,000</b>	<b>1,500,000</b>	<b>500,000</b>	<b>500,000</b>	-	-		
1	Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	Chi Lăng, TPLS, Cao Lộc	43km tuyến chính, 17km tuyến nối cửa khẩu	2023-2026	41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022	5,000,000	1,500,000	500,000	500,000		-		
-	<i>Hạng mục thẩm tra báo cáo nghiên cứu nghiên cứu khả thi</i>					<i>1,057</i>	<i>1,057</i>	<i>1,057</i>	<i>1,057</i>			<i>Sở Kế hoạch và Đầu tư</i>	
-	<i>Các hạng mục khác</i>					<i>4,998,943</i>	<i>1,498,943</i>	<i>498,943</i>	<i>498,943</i>			<i>Ban QLDA ĐTXD tỉnh là đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>	
<b>III</b>	<b>Dự án bổ sung danh mục khởi công mới giai đoạn 2021-2025</b>		<b>1</b>			<b>44,900</b>	<b>29,900</b>	<b>15,200</b>	<b>2,000</b>	-	-		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Nhà hành chính Trụ sở HĐND và UBND huyện Bình Gia	Bình Gia	05 tầng + 01 tầng bán hầm	2024-2026	968/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	44,900	29,900	15,200	2,000			UBND huyện Bình Gia	
<b>B</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>		<b>1</b>			<b>5,009,855</b>	<b>1,509,855</b>	<b>1,004,599</b>	<b>1,004,599</b>	-	-		
<b>I</b>	<b>Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>		<b>1</b>			<b>9,855</b>	<b>9,855</b>	<b>4,599</b>	<b>4,599</b>	-	-		
	<i>Khởi công mới 2024</i>		<i>1</i>			<i>9,855</i>	<i>9,855</i>	<i>4,599</i>	<i>4,599</i>	-	-		
1	Tôn tạo và phát huy giá trị Di tích Địa điểm Thủy Môn Đình, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Cao Lộc	Cao Lộc	2024-2026	401/QĐ-UBND ngày 13/3/2023	9,855	9,855	4,599	4,599			Sở VH TT&DL	
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ các Chương trình, dự án khác</b>					<b>5,000,000</b>	<b>1,500,000</b>	<b>1,000,000</b>	<b>1,000,000</b>	-	-		
1	Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	Chi Lăng, TPLS, Cao Lộc	43km tuyến chính, 17km tuyến nối cửa khẩu	2023-2026	41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022	5,000,000	1,500,000	1,000,000	1,000,000				
-	<i>Các hạng mục khác</i>					<i>5,000,000</i>	<i>1,500,000</i>	<i>1,000,000</i>	<i>1,000,000</i>			<i>Ban QLDA ĐTXD tỉnh là đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>	
<b>C</b>	<b>ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT</b>		<b>1</b>			<b>15,000</b>	<b>15,000</b>	<b>15,000</b>	<b>10,450</b>	-	-		
<b>I</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>		<b>1</b>			<b>15,000</b>	<b>15,000</b>	<b>15,000</b>	<b>10,450</b>	-	-		
	<i>Khởi công mới 2024</i>		<i>1</i>			<i>15,000</i>	<i>15,000</i>	<i>15,000</i>	<i>10,450</i>	-	-		
1	Cải tạo, sửa chữa trường THPT Lộc Bình			2024-2026	1775/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	15,000	15,000	15,000	10,450			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	

BIỂU 3a

## DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 (CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI CHƯA HOÀN THIỆN THỰC ĐẦU TƯ SAU ĐIỀU CHỈNH)

(Kèm theo Quyết định số: 1204/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020			Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1572/QĐ-UBND)				Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: Ưng trước KH vốn	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>19</b>			<b>1,086,514</b>	<b>716,514</b>	-	-	-	<b>286,354</b>	<b>256,354</b>	-	-	<b>633,254</b>	<b>602,554</b>	-	-		
<b>A</b>	<b>CÁC DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC QUYẾT ĐỊNH SỐ 2410/QĐ-UBND VÀ SỐ 1572/QĐ-UBND</b>		<b>12</b>			<b>629,934</b>	<b>429,934</b>	-	-	-	<b>286,354</b>	<b>256,354</b>	-	-	<b>397,304</b>	<b>366,954</b>	-	-		
<b>A.1</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>		<b>12</b>			<b>629,934</b>	<b>429,934</b>	-	-	-	<b>286,354</b>	<b>256,354</b>	-	-	<b>397,304</b>	<b>366,954</b>	-	-		
<b>I</b>	<b>Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>		<b>2</b>			<b>55,000</b>	<b>25,000</b>	-	-	-	<b>43,000</b>	<b>13,000</b>	-	-	<b>43,000</b>	<b>13,000</b>	-	-		
	<i>Khởi công mới 2024</i>		<i>1</i>			<i>15,000</i>	<i>15,000</i>	-	-	-	<i>9,000</i>	<i>9,000</i>	-	-	<i>9,000</i>	<i>9,000</i>	-	-		
1	Khởi biểu tượng Chiến thắng 17/10 tại vườn hoa 17/10 thành phố Lạng Sơn	TPLS		2024-2026	380-TTr/BCS ngày 29/10/2021; 5196/VP-KT ngày 30/11/2021	15,000	15,000				9,000	9,000			9,000	9,000			Sở VH TT&DL	
	<i>Khởi công mới 2025</i>		<i>1</i>			<i>40,000</i>	<i>10,000</i>	-	-	-	<i>34,000</i>	<i>4,000</i>	-	-	<i>34,000</i>	<i>4,000</i>	-	-		
1	Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích lịch sử Chi Lăng	Chi Lăng		2025-2027	72/TB-HĐ ngày 28/10/2021	40,000	10,000				34,000	4,000	-	-	34,000	4,000	-	-	Sở VH TT&DL	Vướng quy hoạch di tích
<b>II</b>	<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước</b>		<b>1</b>			<b>10,354</b>	<b>10,354</b>	-	-	-	<b>10,354</b>	<b>10,354</b>	-	-	<b>10,354</b>	<b>10,354</b>	-	-		
	<i>Khởi công mới 2024</i>		<i>1</i>			<i>10,354</i>	<i>10,354</i>	-	-	-	<i>10,354</i>	<i>10,354</i>	-	-	<i>10,354</i>	<i>10,354</i>	-	-		
1	Mở rộng trụ sở làm việc phòng CS PCCC&CNCH tỉnh Lạng Sơn	TPLS		2024-2026	3095/CAT-PH10	10,354	10,354				10,354	10,354			10,354	10,354			Công an tỉnh Lạng Sơn	
<b>III</b>	<b>Xã hội</b>		<b>1</b>			<b>100,000</b>	<b>100,000</b>	-	-	-	<b>225,000</b>	<b>225,000</b>	-	-	<b>100,000</b>	<b>100,000</b>	-	-		
	<i>Khởi công mới 2024</i>		<i>1</i>			<i>100,000</i>	<i>100,000</i>	-	-	-	<i>225,000</i>	<i>225,000</i>	-	-	<i>100,000</i>	<i>100,000</i>	-	-		
1	Dự án khu tái định cư và dân cư Quốc lộ 4B	Cao Lộc, Lộc Bình		264ha hạ tầng khung	3679/VP-KTN ngày 31/8/2021	100,000	100,000				225,000	225,000			100,000	100,000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Phân kỳ đầu tư, giai đoạn 1 dự kiến 100 tỷ đồng
<b>IV</b>	<b>Phát thanh, truyền hình</b>		<b>1</b>			<b>8,000</b>	<b>8,000</b>	-	-	-	<b>8,000</b>	<b>8,000</b>	-	-	<b>8,000</b>	<b>8,000</b>	-	-		
	<i>Khởi công mới 2024</i>		<i>1</i>			<i>8,000</i>	<i>8,000</i>	-	-	-	<i>8,000</i>	<i>8,000</i>	-	-	<i>8,000</i>	<i>8,000</i>	-	-		
1	Đầu tư camera phỏng vấn và hệ thống máy dựng hình chuyên dụng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh			2024-2026	259/BC-SKHĐT ngày 27/6/2023	8,000	8,000				8,000	8,000			8,000	8,000			Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất CTĐT/ Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh làm CĐT	
<b>B</b>	<b>CÁC DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC BỔ SUNG KỶ NÀY</b>		<b>7</b>			<b>456,580</b>	<b>286,580</b>	-	-	-	-	-	-	-	<b>235,950</b>	<b>235,600</b>	-	-		
<b>B.1</b>	<b>Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí</b>		<b>3</b>			<b>73,600</b>	<b>73,600</b>	-	-	-	-	-	-	-	<b>73,600</b>	<b>73,600</b>	-	-	-	
<b>I</b>	<b>Giáo thông</b>		<b>1</b>			<b>5,800</b>	<b>5,800</b>	-	-	-	-	-	-	-	<b>5,800</b>	<b>5,800</b>	-	-		
1	Cải tạo, nâng cấp đường DH.26 và hệ thống thoát nước	Cao Lộc		2024-2025	131/TB-UBND ngày 31/3/2023	5,800	5,800								5,800	5,800			UBND huyện Cao Lộc	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020			Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1572/QĐ-UBND)				Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: Ứng trước KH vốn	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB		Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
<b>II</b>	<b>Khu công nghiệp và Khu kinh tế</b>		<b>1</b>			<b>45,000</b>	<b>45,000</b>	-	-	-	-	-	-	-	<b>45,000</b>	<b>45,000</b>	-	-		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường DH 96 đoạn từ ngã 3 xã Hồ Sơn đến hết cụm công nghiệp Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng	Hữu Lũng	6,2km	2024-2025	257/TB-UBND ngày 05/6/2023	45,000	45,000								45,000	45,000			UBND huyện Hữu Lũng	
<b>III</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>1</b>			<b>22,800</b>	<b>22,800</b>	-	-	-	-	-	-	-	<b>22,800</b>	<b>22,800</b>	-	-		
1	Điều chỉnh Quy hoạch thành phố Lạng Sơn đến năm 2045 tỷ lệ 1/10.000 (bao gồm thành phố Lạng Sơn và huyện Cao Lộc)	thành phố Lạng Sơn		2024-2025		22,800	22,800								22,800	22,800			UBND thành phố Lạng Sơn	
<b>B.2</b>	<b>Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</b>		<b>4</b>			<b>382,980</b>	<b>212,980</b>	-	-	-	-	-	-	-	<b>162,350</b>	<b>162,000</b>	-	-		
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>		<b>2</b>			<b>150,000</b>	<b>80,000</b>	-	-	-	-	-	-	-	<b>62,150</b>	<b>62,000</b>	-	-		
1	DH.46 Cồn Quan - Pò Khoang xã Đình Lập	Đình Lập	7,5km	2024-2025		22,000	22,000								22,050	22,000			UBND huyện Đình Lập	
2	Cải tạo, nâng cấp đường Chu Văn An	TPLS	812m	2025-2028	227/TB-UBND ngày 15/5/2023	128,000	58,000								40,100	40,000			UBND thành phố Lạng Sơn	
<b>II</b>	<b>Văn hóa, thể thao, du lịch</b>		<b>1</b>			<b>200,980</b>	<b>100,980</b>	-	-	-	-	-	-	-	<b>75,100</b>	<b>75,000</b>	-	-		
1	Cải tạo chỉnh trang khu di tích, danh thắng Nhị - Tam Thanh, phường Tam Thanh	TPLS		2025-2028	227/TB-UBND ngày 15/5/2023	200,980	100,980								75,100	75,000			UBND thành phố Lạng Sơn	
<b>III</b>	<b>Giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp</b>		<b>1</b>			<b>32,000</b>	<b>32,000</b>	-	-	-	-	-	-	-	<b>25,100</b>	<b>25,000</b>	-	-		
1	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Cao Lộc	Cao Lộc		2025-2027	227/TB-UBND ngày 15/5/2023	32,000	32,000								25,100	25,000			Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất CTĐT; Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD tỉnh	